

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HC-ST

Ngày 22 - 3 - 2021

V/v *Khiếu kiện hủy GCNQSDĐ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Đức Chung.

2. Ông Sần Quang Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/HCST ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa lần 2 ngày 25/02/2021, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Lý Hải Đ;

Địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ: Số 106, đường Võ Nguyên Giáp, tổ 4B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc L - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện B. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Trung K
- Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện B. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị T và ông Sin Văn D. Địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai (Ông Sin Văn D, có mặt; Bà Nguyễn Thị T, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày:

Gia đình tôi sở hữu và sử dụng hợp pháp diện tích vườn rừng và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ) năm 1994. Đến ngày 01/11/2004 được UBND huyện B cấp lại GCNQSDĐ số CD 249780, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00008/QSDĐ/số 492/QĐ-UB.

Năm 2014, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Bến xe khách huyện B, tỉnh Lào Cai tại Bản C, xã Y, huyện B, trong đó có thu hồi đất thổ cư và đất vườn rừng của gia đình tôi. Khi Nhà nước thu hồi đất của gia đình tôi, gia đình tôi phải tự lo chỗ ở và nhận 22,5 triệu đồng hỗ trợ để đổ đất làm nhà ở tại vị trí dưới chân đất vườn rừng của gia đình. Do không đủ tiền đổ đất tạo nền nhà nên gia đình tôi có đơn đề nghị lên UBND huyện B xin cấp đất tái định cư tại chỗ và đã được UBND huyện B cấp đất tái định cư tại vị trí đất ở hiện nay theo GCNQSDĐ số BU 730792, số vào sổ cấp GCN: CH 00961 do UBND huyện B cấp ngày 11/7/2016 cho người sử dụng đất ông Lý Hải Đ, bà Nguyễn Thị L.

Ngày 26/8/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B và đại diện UBND xã Y đã xác định lại suối và cắm mốc suối chuyển sang phần đất của gia đình tôi trước đây tự lo chỗ ở, ở vị trí chân đồi là đất vườn rừng của gia đình tôi đang canh tác. Đến ngày 27/8/2020 đã đóng mốc giao đất cho gia đình chị Nguyễn Thị T và gia đình chị T đã xây nhà trên diện tích đất đó.

Gia đình tôi đã có đơn gửi lên UBND huyện B đề nghị xem xét, giải quyết việc cấp đất tái định cư cho hộ chị Nguyễn Thị T sai vị trí. UBND huyện B có công văn trả lời vị trí đất của gia đình chị Nguyễn Thị T là thửa 75, 76, tờ bản đồ số 11, nhưng thực tế ngoài thực địa diện tích đất đó lại nằm trọn trong suối là đất vườn rừng của gia đình tôi đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Ngoài thực địa thửa 75, 76, tờ bản đồ số 11 đã giao đất tái định cư cho gia đình tôi từ tháng 7/2016, khi giao đất cho gia đình chị Nguyễn Thị T đã chồng chéo lên đất tái định cư và đất vườn rừng của gia đình tôi.

Vì vậy tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy GCNQSDĐ số CĐ 887567, số vào sổ cấp GCN: CH 01019; Địa chỉ thửa đất: Bản C, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai do UBND huyện B cấp ngày 30/01/2018 cho chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D.

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện UBND huyện B trình bày:

Thực hiện Nghị Quyết số 35/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về danh mục dự án phải thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt báo cáo KT-KT công trình: Bến xe khách huyện B, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất các dự án trên địa bàn huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 18/9/2015, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1746/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Bến xe khách huyện B và Quyết định số 1738/QĐ-UBND, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Bến xe khách huyện B. Hộ gia đình ông Lý Hải Đ, bà Nguyễn Thị L và hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được UBND huyện B thực hiện theo đúng qui định.

Về việc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Sin Văn D: Hộ bà Nguyễn Thị T và ông Sin Văn D có nhà ở trong phạm vi thu hồi đất của dự án, phải di chuyển chỗ ở (nhà ở trên diện tích đất nông nghiệp của ông Nguyễn Tiến T vợ Đoàn Thị M là bố mẹ đẻ) để triển khai phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của dự án, hộ gia đình có khẩu thường trú tại Bản C, xã Y không còn nơi ở nào khác trên địa bàn Bản C, xã Y. Đối chiếu với khoản 4 điều 6 của Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hộ bà Nguyễn Thị T và ông Sin Văn D được giao một suất đất ở có thu tiền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi được giao đất ở, hộ bà Nguyễn Thị T đã hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước với số tiền sử dụng đất là: 57.000.000 đồng.

Về vị trí giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T và ông Sin Văn D: Thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11, mục đích sử dụng đất trồng lúa của hộ ông Hoàng Tiến Đ đã được UBND huyện thu hồi tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 11, mục đích sử dụng đất suối (Sg) thuộc UBND xã Y quản lý.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D có số phát hành CĐ 887567 tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 11, diện

tích 152,0m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn; thửa đất đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T có số thứ tự là 196, lý do: căn cứ theo điểm 1.5 khoản 1 điều 17 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chỉnh lý số thứ tự thửa đất được quy định “*Trường hợp thửa đất mới phát sinh do tách thửa, hợp thửa thì hủy bỏ số thứ tự thửa đất cũ, số thửa mới được đánh số tiếp theo số thứ tự thửa đất có số hiệu lớn nhất trong tờ bản đồ*”. Khi tiến hành giao đất cho hộ bà Nguyễn Thị T phải tạo lập thửa đất mới, theo hồ sơ quản lý số thứ tự thửa đất tại tờ bản đồ số 11 thì thửa đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T là thửa 196. Qua thẩm định thì vị trí thửa đất cấp GCNQSDĐ cho hộ bà T điểm gần nhất cách thửa đất rừng của hộ ông Đ, bà L là 2,68m (có sơ đồ kèm theo).

Vì vậy ông Lý Hải Đ bà Nguyễn Thị L đề nghị hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD 887567, số vào sổ cấp GCN: CH 01019 do UBND huyện B cấp ngày 30/01/2018 cho hộ bà Nguyễn Thị T với lý do nằm trên diện tích đất trồng rừng của gia đình hộ ông Đ là không chính xác.

Người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lý Hải Đ.

Người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị T và anh Sin Văn D trình bày:

Năm 2015 Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Bến xe khách huyện B, tỉnh Lào Cai tại Bản C, xã Y, huyện B. Gia đình tôi nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi đất, cấp đất tái định cư và cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình tôi được UBND huyện B thực hiện theo đúng qui định (Trong diện tích đất ruộng của các hộ và đất lòng suối do xã quản lý được thu hồi). Gia đình tôi cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước khi được cấp đất tái định cư và đã xây nhà cấp 4 để ở.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2020: Hiện trạng đất diện tích đất cấp 152m², vị trí mặt trước cách đường nhựa 21,8m; hướng ra Quốc lộ 70 giáp đất đã cấp cho hộ ông Lý Hải Đ là đất lòng suối cũ. Tài sản trên đất: 01 nhà xây cấp IV, diện tích xây dựng 74,3m², vị trí cách thửa đất số 04, bản đồ số 01 đất rừng, đã cấp cho hộ ông Đ và bà L theo GCNQSDĐ số 00008/QSDĐ/492/QĐ-UB cấp ngày 01/11/2004 điểm gần nhất là 2,68m. Vì vậy tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa các bên đương sự đều giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013: Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hải Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:*

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ông Lý Hải Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là; GCNQSDĐ) số CĐ 887567 ngày 30/01/2018 của UBND huyện B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính là đúng quy định.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/01/2018 UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D nhưng hộ ông Đ không biết. Đến ngày 03/6/2019, ông Lý Hải Đ biết GCNQSDĐ số CĐ 887567 ngày 30/01/2018 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị T. Ông Đ làm đơn đề nghị UBND huyện B giải quyết việc cấp đất tái định cư cho bà T, ông D chồng lên đất vườn rừng của gia đình ông. Ngày 06/6/2019, UBND huyện B đã có văn bản giao cho Phòng Tài nguyên & Môi trường chủ trì phối hợp với UBND xã Y kiểm tra, xác minh giải quyết nội dung đơn của ông Đ. Ngày 20/12/2019, UBND huyện B ban hành văn bản số 139/UBND-TNMT, về việc trả lời đơn và giao cho ông Đ ngày 06/02/2020. Đến ngày 11/8/2020, ông Lý Hải Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông Đ là trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] *Xét về nguồn gốc, vị trí diện tích đất giao cho hộ bà T, ông D:*

Về nguồn gốc đất: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2020 thì nguồn gốc đất của hộ bà Nguyễn Thị T và ông Sin Văn D được UBND cấp là đất nhà nước giao có

thu tiền sử dụng đất sau khi thu hồi thực hiện dự án làm bến xe khách huyện B. Thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11, là đất trước đây sử dụng đất trồng lúa của hộ ông Hoàng Tiến Đ đã được UBND huyện thu hồi tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và đất lưu không do san lấp vị trí cống và đất suối tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 11 là đất suối (Sg) thuộc UBND xã Y quản lý chưa giao quyền sử dụng đất.

[3] Về yêu cầu Tòa án giải quyết hủy GCNQSDĐ số CĐ 887567, vào sổ cấp GCN: CH 01019 do UBND huyện B cấp ngày 30/01/2018 cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D.

[3.1] Xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ số CĐ 887567 do UBND huyện B cấp ngày 30/01/2018 cho chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D.

[3.1.1] Về thẩm quyền cấp GCNQSDĐ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND cấp huyện có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật. Vì vậy, UBND huyện B sau khi thu hồi, bồi thường giải tỏa giải phóng mặt bằng, giao đất tái định cư và cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D là đúng thẩm quyền.

[3.1.2] Về căn cứ pháp lý: UBND huyện B căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật đất đai 2013, Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 và Thông tư số 30, Thông tư số 37 ngày 30/6/2014 là các quy định chung khi giao đất và thu hồi đất. Ngoài ra khi giao đất cấp GCNQSDĐ còn căn cứ vào Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 và Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh Lào Cai về phê duyệt báo cáo kinh tế xây dựng bến xe khách huyện B, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND huyện B về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư xây dựng bến xe khách huyện B để thực hiện cấp GCNQSDĐ cho người phải di chuyển nhà ở khi nhà nước thu hồi đất mà chưa có nơi ở khác. Như vậy UBND huyện B cấp đất, giao GCNQSDĐ cho bà T, ông D là đúng các quy định khi giao đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất.

[3.1.3] Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ: Năm 2015 Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Bến xe khách huyện B, tại Bản C, xã Y, huyện B. Gia đình ông D nằm trong khu vực giải phóng mặt bằng của dự án.

Ngày 07/7/2016 bà T, ông D có Đơn đăng ký, cấp GCNQSDĐ; Đơn xin giao đất để làm nhà ở có xác nhận của thôn và UBND xã Y.

Ngày 07/7/2016, Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện B lập biên bản về việc kiểm tra, thẩm định, xác định vị trí, ranh giới, hiện trạng sử dụng đất cho hộ bà T, ông D đồng thời thực hiện việc kê khai, tờ khai tiền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất theo quy định.

Ngày 27/7/2016, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1194/QĐ-UBND,

về việc giao đất ở tái định cư cho hộ ông Sin Văn D, thường trú tại Bản C, xã Y, huyện B. Ngày 24/4/2017 bà T, ông D hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất được giao.

Ngày 25/01/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B lập Phiếu trình UBND huyện về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp cấp đất lần đầu và tái định cư. Đến ngày 30/01/2018, UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số CĐ887567, thửa đất số 196, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất: Bản C, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai; số vào sổ cấp GCN: CH 01019 cho người sử dụng đất là hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D.

Như vậy, về trình tự, thủ tục đảm bảo đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3.1.4] Về nội dung cấp GCNQSDĐ số CĐ 887567, thửa đất số 196, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện B, diện tích đất 152m² cho ông D. Ông Đ cho rằng giao trùng vào diện tích thửa 75, 76 đất trong sổ trồng rừng của gia đình ông được giao năm 2004 (vị trí đất mà ông nhận tiền 22,5 triệu đồng để tự san gạt lo chỗ ở nhưng do không đủ ông đã trả lại tiền cho huyện).

Như đã phân tích đánh giá phần [2] Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này là không có căn cứ bởi lẽ: Các bên đều biết khi giao đất tái định cư cho các hộ thì toàn bộ đất đã được giải phóng mặt bằng kể cả nền đất hộ ông D khi được cấp tái định cư cùng giải đất đó. Thửa đất tái định cư của hộ ông D thuộc thửa 75 tờ bản đồ 11 đất trồng lúa và một phần diện tích thửa 76 tờ bản đồ 11 đất suối do nhà nước quản lý (chuyển đổi thành thửa 196 cho ông D; đất rừng của ông Đ cấp lại năm 2004 là thửa 04). Tại biên bản làm việc và giao nhận đất ngày 24/5/2016 Hội đồng đền bù giao đất đã xác định khi có mặt bà L đã ký biên bản và thừa nhận đất giao tái định cư nằm hoàn toàn trong phạm vi đất suối được giải phóng mặt bằng (đại diện hộ gia đình ông Đ cũng đã nhận và ký biên bản, bút lục số 95).

Mặt khác tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2020: Xác định hiện trạng đất hộ ông D bà T được giao là 8m x 19,5m = 152m², thửa 196, giáp đất cùng mặt bằng đã giải tỏa đang để trống cũng đã giao cho hộ ông Đ, cách nhà ông Đ đã xây giáp đất tường rào bên xe đang ở là 8,5m x 20m. Hướng phía về Quốc lộ 279 là đất giáp lòng suối cũ được giao cho hộ bà T, ông D cách thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01 đất trồng rừng đã cấp cho hộ ông Đ, bà L GCNQSDĐ số 00008/QSDĐ/492/QĐ-UB ngày 01/11/2004, điểm gần nhất có khoảng cách là 2,68m (đất đồi hình nón, cách chân đồi đất trồng rừng hộ ông Đ điểm gần nhất là 2,68m) là không chồng lên đất rừng của ông Đ. Việc ông Đ cho rằng vị trí đất ông đã nhận 22,5 triệu đồng của nhà nước để tự lo chỗ ở, nhưng do không đủ tiền san lấp lên ông đã trả lại để nhà nước san gạt cấp tái định cư. Như vậy, sau khi dự án

Bến xe khách huyện B được thu hồi, phần diện tích đất ruộng của một số hộ dân trong đó có phần đất ruộng hộ ông Đ và đất suối được UBND huyện san gạt, giải phóng mặt bằng để cấp, giao GCNQSDĐ cho cả hộ ông Đ và hộ ông D là thuộc đất của nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 66 và 105 của Luật đất đai. Việc số thửa trùng số thửa của ông giao năm 1994 là do sau khi hợp thửa cấp lại cho ông năm 2004 đã được thay đổi lại theo hướng dẫn tại Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định “...*Trường hợp thửa đất mới phát sinh do tách thửa, hợp thửa thì hủy bỏ số thứ tự thửa đất cũ, số thửa mới được đánh số tiếp theo số thứ tự thửa đất có số hiệu lớn nhất trong tờ bản đồ*”. Như vậy quyết định giao đất số CĐ 887567QĐ-UBND ngày 30/01/2018 cho hộ bà T, ông D là không chồng lên nhau (số thửa cũ được chỉnh sửa không còn) và được ban hành đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung khi cấp đất tái định cư.

Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hải Đ đề nghị hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CĐ 887567, số vào sổ cấp GCN: CH 01019 ngày 30/01/2018 cho hộ bà T, ông D là không có căn cứ chấp nhận, nên bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện ông Lý Hải Đ không được Tòa án chấp nhận nên ông Lý Hải Đ phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Lý Hải Đ phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.500.000đ. Xác nhận ông Đ đã nộp đủ số tiền chi phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 105 Luật Đất đai 2013; Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Hải Đ về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CĐ 887567, số vào sổ GCN: CH 01019 của UBND huyện B cấp ngày 30/01/2018 cho hộ bà Nguyễn Thị T, ông Sin Văn D; Địa chỉ thửa đất: Bản C, xã Y, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí:

Người khởi kiện ông Lý Hải Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Xác nhận ông Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai số AC/2012/0001547 ngày 05/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Ông Đ đã nộp đủ số tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Lý Hải Đ phải chịu 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Đ đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài